BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58 /TTr-BNN-CN	*Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2022*

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ rà soát Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi được Chính phủ ban hành ngày 21/01/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 05/3/2020. Nghị định số 13/2020/NĐ-CP đã hướng dẫn những nội dung được Luật Chăn nuôi giao về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện cơ sở chăn nuôi, quy mô, mật độ chăn nuôi, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm chăn nuôi... Nhiều nội dung của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP được triển khai thực hiện trong thực tiễn đã góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh, minh bạch để tổ chức, cá nhân hoạt động trong chăn nuôi, đồng thời phát huy hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi. Tuy nhiên, một số nội dung của Nghị định 13/2020/NĐ-CP cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia phát triển bền vững và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngành chăn nuôi trong thời gian tới.

1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 91/NQ-CP ngày 10/6/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2020

Trong quá trình thực hiện quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP một số tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nghiên cứu, xem xét quy định về (1) Giấy chứng nhận lưu hành tự do hoặc văn bản có giá trị tương đương (sau đây viết tắt là CFS) tại điểm c khoản 3 Điều 18 và (2) Cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam tại khoản 2 Điều 29.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Chính phủ về những nội dung này. Ngày 11/6/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 91/NQ-CP về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2020, trong đó ngưng hiệu lực thi hành của điểm c khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 29 và giao Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan rà soát tổng thể Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, xác định vướng mắc, bất cập cụ thể trong quá trình thực hiện Nghị định số 13/2020/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, đề xuất việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn.

2. Kết quả tổ chức triển khai thi hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP

Sau gần 02 năm triển khai thi hành Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, Bộ Nông nghiệp và PTNT nhận được kiến nghị của một số địa phương về khó khăn, vướng mắc, bất cập khi tổ chức triển khai các quy định của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP trong thực tiễn. Đồng thời, khi rà soát tổng thể Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo yêu cầu của Nghị quyết số 91/NQ-CP, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng nhận thấy một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý, đặc biệt trong bối cảnh Chính phủ đang chỉ đạo các Bộ, ngành rà soát điều kiện đầu tư, kinh doanh tạo điều kiện cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất sau đại dịch Covid-19. Cụ thể như sau:

- Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn (khoản 2 Điều 6): Hiện nay, một số giống vật nuôi trong Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn đã được đưa vào khai thác, phát triển, trong khi đó một số giống vật nuôi bản địa được điều tra, tìm kiếm bổ sung và kết quả phân tích ADN đã khẳng định là giống riêng biệt nhưng chưa có trong Danh mục này. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu về bảo tồn các giống vật nuôi.

- Một số quy định về thức ăn chăn nuôi: Trường hợp không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (khoản 8 Điều 10), Đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (Điều 11) cần phải được nghiên cứu, sửa đổi để giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, tránh chồng chéo trong quản lý nhà nước và hướng dẫn thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Đồng thời, cũng cần phải nghiên cứu sửa đổi quy định về đánh giá thừa nhận phương pháp thử nghiệm, quy trình khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi của nước xuất khẩu (Điều 14, Điều 15), trình tự, thủ tục kiểm tra và miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu (khoản 4 và điểm c khoản 5 Điều 18), xử lý kết quả thử nghiệm về chất lượng TACN (khoản 4 Điều 19) cho phù hợp với tình hình thực tế và bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi. Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định về "Kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu lưu thông trên thị trường" để kiểm soát chất lượng TACN nhập khẩu, đặc biệt là nguyên liệu TACN nhập khẩu khi Nghị định quy định về trình tự, thủ thủ kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm

tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu được thông qua và có hiệu lực thi hành.

- Xác định Quy mô chăn nuôi (Điều 21): Cần nghiên cứu, sửa đổi quy định về xác định quy mô chăn nuôi trong trường hợp cơ sở nuôi hỗn hợp gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi theo hướng quy đổi khối lượng một số động vật khác trong chăn nuôi tương tự gia súc, gia cầm (hươu sao, vịt trời...) thành đơn vị vật nuôi xác định để có thể xác định được quy mô chăn nuôi trong trường hợp cơ sở chăn nuôi hỗn hợp gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi.

- Bên cạnh đó, một số nội dung về giải thích từ ngữ, quy định chung về giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để tạo cách hiểu thống nhất trong việc áp dụng quy định của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi và rút ngắn thời gian cho tổ chức, cá nhân khi chuẩn bị hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện đánh giá điều kiện thực tế, đánh giá giám sát, kiểm tra nhà nước về chất lượng trong tình hình thiên tai, dịch bệnh: Cần nghiên cứu, bổ sung quy định về hướng dẫn thực hiện đánh giá điều kiện thực tế, đánh giá giám sát, kiểm tra nhà nước về chất lượng trong tình hình thiên tai, dịch bệnh để bảo đảm hoạt động sản xuất bình thường của doanh nghiệp, tạo lập cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước thực thi các hoạt động công vụ trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh.

3. Yêu cầu về hoàn thiện pháp luật để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật

Luật Đầu tư năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 tại Phụ lục IV quy định "Kinh doanh chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi" là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Luật này "Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề quy định tại khoản 2 Điều này được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên". Hiện nay, việc quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được quy định tại Điều 62 và Điều 63 Luật Chăn nuôi và giao Chính phủ quy định chi tiết tại Điều 30, 31 và 32 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Tuy nhiên, các nội dung này đều được ban hành trước khi Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành, vì vậy cần phải nghiên cứu, sửa đổi quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư năm 2020.

Hơn nữa, sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi cũng tương tự như các loại vật tư khác trong nông nghiệp như sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy

sản, thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, tuy nhiên quy định, cách thức quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi còn thiếu, chưa đồng nhất với các loại vật tư khác. Do đó, để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, sự cạnh tranh bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp, tránh việc "lách luật" để thực hiện hành vi vi phạm thì cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu quản lý.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Dự thảo Nghị định được xây dựng nhằm: a) Hoàn thiện đầy đủ, đồng bộ khung pháp lý điều chỉnh các quan hệ xã hội, kinh tế, môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh nhằm phát triển ngành chăn nuôi hiện đại, bền vững, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội; b) Thúc đẩy phát triển sản xuất ngành chăn nuôi, kiểm soát an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm trong chăn nuôi.

2. Quan điểm chỉ đạo

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung quy định tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về Giấy chứng nhận lưu hành tự do trong hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi truyền thống, nguyên liệu đơn nhập khẩu, cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam và các quy định có liên quan bảo đảm bám sát nội dung được giao hướng dẫn tại Luật Chăn nuôi, thể chế hóa chủ trương, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng về chăn nuôi, phù hợp với chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045.

Thứ hai, bảo đảm tính hợp hiến, phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và thực tiễn quản lý, tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là phù hợp với Hiến pháp năm 2013, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá năm 2007, Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2020, Luật Quản lý ngoại thương năm 2017...

Thứ ba, đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành chăn nuôi, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo hành lang pháp lý cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh dễ thực hiện, cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm hành chính.

Thứ tư, đáp ứng được yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ với các quy định chi tiết, minh bạch, đơn giản để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tham gia các hoạt động trong chăn nuôi.

Thứ năm, kế thừa các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, điều kiện chăn nuôi và sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi đã được khẳng định tính phù hợp, ổn định trong quá trình triển khai, đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển, hội nhập ngày càng sâu rộng của ngành chăn nuôi, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO, XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai soạn thảo dự thảo Nghị định theo trình tự cụ thể sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết và biện pháp thi hành Luật Chăn nuôi.[1]

2. Tổ chức các cuộc họp thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập nhằm hoàn thiện các nội dung chính của dự thảo Nghị định. Thành viên Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã tập trung nghiên cứu, rà soát nội dung của Luật Chăn nuôi, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để xây dựng dự thảo Nghị định.

3. Tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến của các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế; tiến hành khảo sát, tham vấn ý kiến về sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu vật nuôi, thức ăn chăn nuôi tại các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp.

4. Tham vấn ý kiến của chuyên gia nước ngoài[2].

5. Đăng tải dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng SPS Việt Nam để lấy ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; gửi văn bản đến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, ngành, UBND 63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) để xin ý kiến[3].

6. Ngày tháng năm 2022, Hội đồng thẩm định của Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định Hồ sơ dự thảo Nghị định.

7. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và ý kiến góp ý của các bộ, ban, ngành, địa phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

---

[1] Quyết định số 4517/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2020 và Quyết định số 3293/QĐ-BNN-CN ngày 23/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

[2] Tham vấn ý kiến Đoàn chuyên gia Đan mạch về quản lý thức ăn chăn nuôi.

[3] Đến ngày 28/12/2021, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã nhận được văn bản góp ý của 80 cơ quan, đơn vị, tổ chức.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định

Bố cục Dự thảo Nghị định được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật đối với Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều, gồm 04 điều: Điều 1 quy định về các nội dung sửa đổi, bổ sung (gồm 16 khoản); Điều 2 quy định về các nội dung thay thế, bãi bỏ (gồm 09 khoản); Điều 3 quy định chuyển tiếp; Điều 4 quy định về hiệu lực thi hành.

2. Nội dung chính của dự thảo Nghị định

2.1. Điều 1 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP, gồm 16 khoản:

a) Khoản 1 sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 6 Điều 3 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP giải thích từ ngữ về "hệ số đơn vị vật nuôi" và "loa phóng"; bổ sung 02 khoản giải thích từ ngữ về "*chất mới trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và cơ sở sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi"* để tạo cách hiểu thống nhất trong việc áp dụng quy định của pháp luật.

b) Khoản 2 sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 4 như sau "Trường hợp hồ sơ là bản *bằng chữ tiếng Anh thì phải có bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính. Nếu hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài không phải là tiếng Anh thì phải dịch thuật công chứng ra tiếng Việt"* để tạo điều kiện cho việc thực hiện thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính; bổ sung khoản 8 quy định về hình thức đánh giá, kiểm tra trong tình hình thiên tai, dịch bệnh; bổ sung khoản 9 về lưu trữ hồ sơ liên quan đến kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển thông tin; nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới.

c) Khoản 3 sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 10 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo hướng bổ sung trường hợp không phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với "*Cơ sở sản xuất thực phẩm đáp ứng các quy định của pháp luật Việt Nam về an toàn thực phẩm có sản phẩm thực phẩm, phụ phẩm được tạo ra trong quá trình sản xuất thực phẩm có chất lượng phù hợp làm thức ăn chăn nuôi mà không qua bất kỳ bước sơ chế, chế biến nào khác của cơ sở đó"* để giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và tránh chồng chéo trong quản lý nhà nước.

d) Khoản 4 bổ sung khoản 6 Điều 11 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo hướng quy định cụ thể trình tự, thủ tục đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi để bảo đảm thực hiện thống nhất nội dung này trong phạm vi cả nước.

đ) Khoản 5 sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 14 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về thừa nhận phương pháp thử nghiệm thức ăn chăn nuôi của phòng thử nghiệm nước xuất khẩu để bảo đảm kết quả đánh giá được chính xác, khách quan hơn và minh bạch hơn đối với hoạt động này. Theo đó, bổ sung quy định việc thành lập Đoàn đánh giá gồm Cục Chăn nuôi, các đơn vị có liên quan và các chuyên gia kỹ thuật để thẩm định hồ sơ và tổ chức đánh giá thực tế tại phòng thử nghiệm (nếu cần thiết); Chi phí phục vụ hoạt động thẩm định hồ sơ và đánh giá thực tế của Đoàn đánh giá do tổ chức, cá nhân đăng ký bảo đảm.

e) Khoản 6 sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP thừa nhận quy trình khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi của nước xuất khẩu theo hướng bổ sung quy định việc thành lập Đoàn Đánh giá gồm Cục Chăn nuôi, các đơn vị có liên quan và các chuyên gia kỹ thuật để thẩm định hồ sơ và tổ chức đánh giá tại nước xuất khẩu (nếu cần thiết); Chi phí phục vụ hoạt động thẩm định hồ sơ và đánh giá thực tế của Đoàn đánh giá do tổ chức, cá nhân đăng ký bảo đảm.

g) Khoản 7 sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về trình tự, thủ tục kiểm tra và miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng TACN nhập khẩu theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu, phù hợp với chủ trương xã hội hóa của Chính phủ và giảm bớt công việc không cần thiết trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước nhưng vẫn kiểm soát được chất lượng TACN nhập khẩu.

h) Khoản 8 bổ sung Điều 18a quy định kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan, cụ thể như sau:

- Cơ quan kiểm tra: Cục Chăn nuôi kiểm tra trên phạm vi toàn quốc; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra trong phạm vi địa bàn.

- Đối tượng kiểm tra: Lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu không thuộc đối tượng phải lấy mẫu để kiểm tra nhà nước về chất lượng trước thông quan.

- Nội dung kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ nhập khẩu; kiểm tra thực tế về số lượng, khối lượng, quy cách, bao gói, ghi nhãn, hạn sử dụng, xuất xứ và các chỉ tiêu cảm quan khác của sản phẩm; lấy mẫu để thử nghiệm, đánh giá sự phù hợp về chất lượng và an toàn của sản phẩm.

- Tần xuất kiểm tra: Kiểm tra định kỳ hằng năm với tần suất không quá 01 lần đối với 01 sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu có cùng nguồn gốc xuất xứ; không quá 01 lần đối với 01 đơn vị nhập khẩu và đưa ra tiêu chí để lựa chọn sản phẩm và đơn vị nhập khẩu để kiểm tra hằng năm.

Đồng thời, dự thảo Nghị định quy định trình tự kiểm tra và kinh phí thực hiện kiểm tra từ nguồn ngân sách nhà nước.

i) Khoản 9 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về việc thử nghiệm mẫu thức ăn chăn nuôi. Theo đó, quy định cụ thể hơn về thời gian trả kết quả thử nghiệm để bảo đảm quyền khiếu nại của doanh nghiệp.

k) Khoản 10 sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 21 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về nguyên tắc xác định quy mô chăn nuôi (khoản 1) để bảo đảm tính khả thi trong việc xác định quy mô chăn nuôi trong trường hợp cơ sở nuôi hỗn hợp gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi theo hướng quy đổi khối lượng một số động vật khác thành đơn vị vật nuôi. Theo đó, Quy mô chăn nuôi được xác định bằng số đơn vị vật nuôi tại cùng một thời điểm đối với các loại vật nuôi được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; sửa đổi khoản 3 theo hướng bổ sung thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc kiểm tra hoạt động của các trang trại chăn nuôi nuôi quy mô vừa và quy mô nhỏ.

l) Khoản 11 bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 24 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP theo hướng quy định cụ thể trình tự, thủ tục đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn để bảo đảm thực hiện thống nhất nội dung này trong phạm vi cả nước.

m) Khoản 12 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam theo hướng quy định loại cửa khẩu thay cho việc quy định tên cửa khẩu cụ thể để phù hợp với nhu cầu nhập khẩu vật nuôi sống vào Việt Nam của tổ chức, cá nhân, đáp ứng yêu cầu kiểm dịch nhập khẩu vật nuôi sống vào Việt Nam hiện nay. Theo đó, các cửa khẩu tiếp nhận vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam bao gồm: Cảng hàng không quốc tế; Cửa khẩu biên giới đất liền (Cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính); Cảng biển (loại đặc biệt, loại I, loại II và loại III).

n) Khoản 13 sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 30 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về công bố thông tin sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi theo hướng quy định cụ thể hơn cách thức thực hiện việc tự công bố thông tin và quyền được sản xuất kinh doanh cũng như trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sau khi tự công bố.

o) Khoản 14 sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 31 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP về khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Theo đó, bổ sung trường hợp không phải thực hiện khảo nghiệm đối với sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép; đồng thời bổ sung quy định "*Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật được phép sử dụng trong sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi tại Việt Nam*" để yêu cầu phải khảo nghiệm đối với sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi lần đầu được sản xuất hoặc nhập khẩu vào Việt Nam có chứa chất mới. Kết quả sau khi kết thúc khảo nghiệm sẽ được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận và tổ chức, cá nhận được phép sản xuất kinh doanh.

p) Khoản 15 bổ sung Điều 32a, Điều 32b, Điều 32c, Điều 32d, Điều 32đ, Điều 32e và Điều 32g, cụ thể như sau:

- Điểm a bổ sung Điều 32a quy định về cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở bao gồm quy định về Cơ quan có thẩm quyền, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục và chi phí cho việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Đồng thời, quy định về đánh giá cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất

- Điểm b bổ sung Điều 32b quy định về điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhằm bảo đảm việc quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đối sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

- Điểm c bổ sung Điều 32c quy định về xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Quy định cụ thể các trường hợp không phải kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu gồm: hàng mẫu, hàng giới thiệu tại triển lãm hội chợ, quà biếu; hàng hóa tạm nhập - tái xuất; hàng quá cảnh chuyển khẩu; hàng gửi kho ngoại quan; hàng doanh nghiệp Việt Nam gia công cho thương nhân nước ngoài; các sản phẩm nhập khẩu phục vụ yêu cầu khẩn cấp theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu phải được Bộ Nông nghiệp và PTNT cấp phép.

- Điểm d bổ sung Điều 32d quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi bao gồm nội dung về kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan và kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước.

- Điểm đ bổ sung Điều 32đ quy định về xử lý kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Theo đó, kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi là kết quả thử nghiệm mẫu sản phẩm của phòng thử nghiệm được chỉ định sau khi tính độ dao động. Quy định cụ thể thời hạn trả kết quả thử nghiệm để bảo đảm quyền khiếu nại của doanh nghiệp; trình tự, thủ tục xử lý kết quả thử nghiệm bị khiếu nại và chi phí giải quyết khiếu nại về kết quả thử nghiệm.

- Điểm e bổ sung Điều 32e quy định về xử lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi vi phạm chất lượng bao gồm các hình thức: Buộc tái xuất; Buộc tiêu hủy; Buộc tái chế; Buộc chuyển mục đích sử dụng; Buộc cải chính thông tin. Đồng thời, yêu cầu tổ chức, cá nhân có sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi vi phạm chất lượng phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc xử lý; trường hợp sản phẩm vô chủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc xử lý, bố trí kinh phí để xử lý.

- Điểm g bổ sung Điều 32g quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi để nâng cao ý thức, tránh nhiệm của tổ chức, cá nhân trong sản xuất, mua bán, nhập khẩu và sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

q) Khoản 16 sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP để bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tình hình phát triển và yêu cầu quản lý về chăn nuôi.

2.2. Điều 2 quy định về thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản điều, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP

a) Thay thế Mẫu số 06.TACN Phụ lục I bằng Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Thay thế Phụ lục II bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; thay thế Phụ lục V bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Thay thế cụm từ "Bản sao, chụp tài liệu chứng minh có biện pháp bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường" bằng cụm từ "Mô tả thông tin cơ sở đã có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật" tại Mẫu số 02.TACN và Mẫu số 02.ĐKCN.

d) Thay thế cụm từ "Kế hoạch bảo vệ môi trường" bằng cụm từ "Giấy phép bảo vệ môi trường" tại Mẫu số 04.TACN, Mẫu số 03.ĐKCN và Mẫu số 04.ĐKCN Phụ lục I.

e) Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 18, điểm c khoản 4 Điều 19, Mẫu số 01.MTCN Phụ lục I và Phụ lục IX.

f) Bãi bỏ nội dung Kết luận tại phần Phụ lục Mẫu số 05.TACN Phụ lục I.

g) Bãi bỏ nội dung đánh giá "Số đơn vị vật nuôi đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi của tỉnh/thành phố" tại số thứ tự 2 Mục I phần B Mẫu số 03.ĐKCN và số thứ tự 2 Mục I phụ lục Bảng nội dung đánh giá điều kiện chăn nuôi Mẫu số 04.ĐKCN Phụ lục I.

2.3. Điều 3 quy định chuyển tiếp

Quy định một số nội dung về chuyển tiếp khi Nghị định này có hiệu lực thi hành để không làm gián đoạn tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, có thời gian để tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ, thay đổi điều kiện sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Điều 4 quy định về thời gian có hiệu lực thi hành của Nghị định

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Kinh phí xây dựng Nghị định:

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính, dự kiến kinh phí khoảng 48 triệu đồng. Năm tài chính thực hiện chi là năm 2021.

2. Kinh phí triển khai thực hiện Nghị định

a) Tuyên truyền, phổ biến Nghị định

Sau khi Nghị định được ban hành, dự kiến chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị định gồm in ấn, hội nghị, hội thảo giới thiệu, phổ biến Nghị định. Trong đó, bao gồm cả Ngân sách Nhà nước và huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân có tham gia hỗ trợ.

b) Đối với việc kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu

Thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, cụ thể theo quy định của Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. Các doanh nghiệp phải tự chi trả, không sử dụng đến ngân sách nhà nước. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Nghị định này, đồng thời áp dụng hệ thống hải quan "một cửa" quốc gia tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

Đối với hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan: hằng năm, cơ quan kiểm tra sẽ xây dựng kế hoạch và kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hành chính về nông nghiệp.

c) Đối với việc nhập khẩu vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam

Thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí, cụ thể theo quy định Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. Các doanh nghiệp phải tự chi trả, không sử dụng đến ngân sách nhà nước. Trình tự, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 và Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời áp dụng hệ thống hải quan "một cửa" quốc gia tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh. Việc thực hiện kiểm dịch vật nuôi sống nhập khẩu được thực hiện bởi hệ thống cơ quan kiểm dịch hiện có của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Hiện nay, lực lượng kiểm dịch đã được bố trí ở tất cả các cửa khẩu tiếp nhận sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu. Do đó, khi Nghị định này được thông qua và có hiệu lực thi hành sẽ không phát sinh thêm nhân lực để thực hiện việc kiểm dịch vật nuôi sống nhập khẩu vào Việt Nam.

d) Đối với việc thực hiện các hoạt động liên quan đến cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi

Nguồn nhân lực thực hiện các hoạt động này là nhân lực thực hiện công tác quản lý nhà nước lĩnh vực môi trường và công nghệ chăn nuôi hiện có ở Trung ương và địa phương, không làm phát sinh thêm biên chế, bộ máy mới.

Nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động này thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí. Theo đó, hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm nhập khẩu và đánh giá cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm, doanh nghiệp phải tự chi trả, không sử dụng đến ngân sách nhà nước.

VI. NỘI DUNG XIN Ý KIẾN THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được một số ý kiến và rà soát, so sánh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tham khảo nhiều nguồn tài liệu về việc quy định các nội dung liên quan sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Tuy nhiên, hiện có 02 nhóm ý kiến khác nhau về vấn đề này:

1. Nhóm ý kiến thứ nhất - Phương án 1

Sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi.

Lý do: Để phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 và yêu cầu thực tế về quản lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, sự cạnh tranh bình đẳng giữa tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các loại vật tư nông nghiệp.

2. Nhóm ý kiến thứ hai - Phương án 2

Chỉ tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi.

Lý do: Không mở rộng hơn phạm vi hướng dẫn của dự thảo Nghị định đối với nội dung về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi so với những nội dung được Luật Chăn nuôi giao hướng dẫn.

Hiện nay, dự thảo Nghị định đang quy định các nội dung về sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi trên cơ sở Phương án 1. Theo đó, bên cạnh việc sửa đổi các quy định được Luật Chăn nuôi giao hướng dẫn, dự thảo Nghị định bổ sung quy định về cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở; điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; xử lý kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi; xử lý sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi vi phạm chất lượng; quyền và nghĩa vụ của cơ sở sản xuất, mua bán, nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi như thể hiện từ Điều 32a đến Điều 32g.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin ý kiến thành viên Chính phủ về vấn đề này.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm Dự thảo Nghị định)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Vụ Nông nghiệp – VPCP (để p/h);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CN.

BỘ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Lê Minh Hoan